

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

PHẠM VŨ HOÀNG

KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP
XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI, 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS., TS HÀ ĐỨC TRỤ

2. PGS., TS TRẦN MẠNH DŨNG

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

Địa điểm: Phòng bảo vệ Luận án Tiến sĩTại nhà Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Thời gian: Vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.

- Thư viện Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kết quả kinh doanh tốt, báo cáo tài chính đáng tin cậy và khả năng sinh lời cao là mục tiêu hướng tới của bất cứ đơn vị kinh doanh nào. Đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng, mục tiêu này lại càng quan trọng hơn bởi đó là điều kiện cần thiết để doanh nghiệp xây dựng có thể ký được hợp đồng xây dựng và thu hút vốn từ các chủ đầu tư. Trong quá trình hoạt động, có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới doanh nghiệp xây dựng không đạt được hiệu quả kinh doanh như mong muốn. Trong đó, sự kiểm soát yếu kém đối với chi phí, tài sản, vốn, chiến lược kinh doanh là những nguyên nhân chính. Vì vậy, nghiên cứu kiểm soát nội bộ là rất quan trọng để giúp các doanh nghiệp xây dựng đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm đạt mục tiêu sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tăng lợi nhuận.

Trong thời gian vừa qua, những vấn đề mà xã hội quan tâm và lên tiếng nhiều là thất thoát, lãng phí tài sản trong xây dựng các công trình, chất lượng công trình thấp, hiện tượng tham ô, tham nhũng trong xây dựng các công trình có chiều hướng gia tăng về phạm vi với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Theo kết quả kiểm toán do Kiểm toán Nhà nước công bố thì tình trạng thi công không đảm bảo tiến độ, nghiệm thu sai đối tượng, đơn giá, gây lãng phí vốn đầu tư vẫn diễn ra. Để hình ảnh, uy tín của doanh nghiệp xây dựng không bị ảnh hưởng bởi những sai phạm như vậy thì trong nội bộ doanh nghiệp phải có những hoạt động kiểm soát, giám sát, đánh giá rủi ro,... phù hợp để hạn chế tối đa việc xảy ra sai phạm liên quan đến chất lượng, tiến độ công trình, đến tài sản, vốn, doanh thu và chi phí của doanh nghiệp xây dựng, đặc biệt là các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn 1 tỉnh nào đó nhằm để nâng cao chất lượng của kiểm soát nội bộ là rất cần thiết.

Để có nguồn vốn ổn định bền vững cho phát triển khoa học, đổi mới công nghệ trong xây dựng, xác định doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh cần phải nâng cao lợi nhuận bởi lợi nhuận là vốn chủ sở hữu đảm bảo sự tự chủ tài chính cho các doanh nghiệp xây dựng. Vì vậy, tăng khả năng sinh lời là mục tiêu hướng tới mà các doanh nghiệp nói chung cũng như các doanh nghiệp xây dựng nói riêng. Khả năng sinh lời của doanh nghiệp theo phân tích thực tế của tác giả phụ thuộc vào kiểm soát nội bộ. Kiểm soát nội bộ có chất lượng sẽ giúp cho doanh nghiệp xây dựng hạn chế các sai phạm về chi phí, tài sản, nguồn vốn, thu nhập từ đó làm tăng lợi nhuận cũng như khả năng sinh lời. Tuy nhiên, mối quan hệ này cần được kiểm tra, chứng minh trong từng doanh nghiệp xây dựng cụ thể.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng

trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kiến nghị biện pháp sửa đổi bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, có quyền rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ. Với những quy định về quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát thì Ban kiểm soát có ảnh hưởng đến chất lượng kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên, đây chỉ là sự phân tích, đánh giá về mặt lý thuyết. Thực tế, Ban Kiểm soát có ảnh hưởng đến chất lượng kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng hay không thì cần phải kiểm tra, chứng minh.

Chính vì những lý do trên Tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình”*** làm đề tài Luận án Tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phát triển lý luận về kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng. Từ đó phân tích thực trạng kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở mục tiêu định hướng đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp xây dựng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) *Về lý luận*: Luận án đã tổng hợp toàn diện các quan điểm khác nhau về kiểm soát nội bộ, đồng thời chỉ ra được các đặc điểm các doanh nghiệp xây dựng nói chung và doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình nói riêng tác động đến việc thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

b) *Về thực tiễn*: Luận án khảo sát và phân tích các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở đó đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế và các yếu tố cấu thành nên kiểm soát nội bộ. Các hạn chế và nguyên nhân chủ quan của hạn chế được luận giải và là cơ sở đề xuất được những quan điểm và giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

+ *Về nội dung*: Nghiên cứu lý luận, khảo sát thực trạng 5 yếu tố của KSNB, ảnh hưởng của KSNB đến khả năng sinh lời của DN XD và đưa ra giải pháp phù hợp.

+ *Về không gian*: Mô tả thực trạng, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp

kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
+ *Về thời gian*: Số liệu, tài liệu, khai thác sử dụng phân tích ngành xây dựng tỉnh Thái Bình từ năm 2016 - 2023 và các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 2018 đến năm 2023, đưa ra giải pháp có thể xem xét áp dụng đến năm 2030.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu và đối tượng nghiên cứu của Luận án, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau:

(1) Đặc điểm của doanh nghiệp xây dựng với việc vận hành kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp ra sao?

(2) Các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng thế nào?

(3) Kinh nghiệm quốc tế về kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp tại một số nước từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam là gì?

(4) Thực trạng việc vận hành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình là gì?

(5) Xác định cụ thể từng nhóm giải pháp cần được đưa ra nhằm hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình đáp ứng được các mục tiêu đặt ra của đề tài luận án ra sao?

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích sự cần thiết của đề tài nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và các câu hỏi cần nghiên cứu; Tác giả xác định nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án như sau:

(1) Sưu tầm, hệ thống hóa các công trình nghiên cứu công bố trong nước và quốc tế liên quan đến đề tài Luận án, xem xét tìm ra những kết quả tốt để kế thừa trong Luận án. Đồng thời vấn đề chưa được nghiên cứu là “Khoảng trống” để tiếp tục nghiên cứu và xác định định hướng nghiên cứu của Luận án.

(2) Hệ thống hóa những lý luận về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp phải tính các yếu tố cấu thành KSNB theo khung KSNB của COSO. Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng KSNB trên thế giới và bài học rút ra cho các DN XD Việt Nam.

(3) Khảo sát, đánh giá thực trạng về kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, phân tích xác định kết quả đạt được hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, đây là căn cứ quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp.

(4) Căn cứ mục tiêu định hướng và các chỉ tiêu phát triển ngành XD và yêu cầu nguyên tắc thực hiện, xác định các nhóm giải pháp theo các nhân tố cấu thành KSNB và kiến nghị để đảm bảo tính thực thi của giải pháp.

6. Phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết được các câu hỏi nghiên cứu của đề tài và đạt được mục tiêu nghiên cứu, Luận án sử dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp khái quát hóa, phân tích, tổng hợp và nghiên cứu xã hội học*

- *Phương pháp điều tra, khảo sát, câu hỏi phỏng vấn*

- *Phương pháp xử lý dữ liệu*

- Nguồn dữ liệu sử dụng

+ Đề tổng quan được toàn bộ kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng, Tác giả tìm hiểu các báo cáo tổng kết, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp, các báo cáo thanh tra, kiểm tra của các cấp trong 5 năm gần nhất.

+ Để tìm hiểu sâu hơn, về kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp xây dựng. Tác giả đã thực hiện điều tra bằng “Phiếu điều tra” kết hợp với phỏng vấn và quan sát tới các doanh nghiệp được điều tra. Việc cụ thể về lý do chọn mẫu nghiên cứu, Tác giả sẽ trình bày tại bảng, biểu trong các chương của Luận án.

6.2. Quy trình nghiên cứu

Để làm rõ các dữ liệu được thu thập và xử lý cũng như để làm rõ các giải pháp, kiến nghị được đưa ra thì việc trình bày quy trình nghiên cứu là cần thiết. Nghiên cứu tài liệu được sử dụng để tổng quan các nghiên cứu nước ngoài và các nghiên cứu trong nước về KSNB, các nhân tố ảnh hưởng đến KSNB, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, mối quan hệ giữa KSNB và hiệu quả, cụ thể là khả năng sinh lời. Nghiên cứu tài liệu được thực hiện để tổng quan các nghiên cứu từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu. Đây là điểm bắt đầu trong quy trình nghiên cứu của Tác giả. Quá trình nghiên cứu tài liệu cũng nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng, đặc điểm XDCH đến DNXD phục vụ cho hệ thống hóa cơ sở lý luận về KSNB. Sau đó, tác giả thực hiện thu thập dữ liệu bằng phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp nghiên cứu khảo sát. Những dữ liệu thu thập được xử lý để tổng hợp phân tích để tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu.

7. Những đóng góp mới của luận án

Những đóng góp của Luận án thể hiện ở cả về lý luận và thực tiễn; Cụ thể:

7.1. Về lý luận

- Luận án cụ thể hóa để làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng. Phân tích các quan điểm khác nhau về kiểm soát nội bộ, từ đó tổng hợp đưa ra mô hình tổ chức kiểm soát nội bộ làm

khung lý thuyết nghiên cứu kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp xây dựng gồm: Nội dung (chính sách kiểm soát, thủ tục kiểm soát), các yếu tố cấu thành (môi trường kiểm soát, thông tin truyền thông, giám sát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát). Mục tiêu của kiểm soát nội bộ nhằm: Bảo vệ tài sản của đơn vị, đảm bảo độ tin cậy của thông tin, đảm bảo việc thực hiện chế độ pháp lý, bảo đảm hiệu quả hoạt động.

- Luận án phân tích các đặc điểm hoạt động (địa vị pháp lý, cơ cấu tổ chức, qui mô và phạm vi hoạt động, quan hệ liên kết và quản lý vốn, ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, chế độ sở hữu), đặc điểm về vốn (sở hữu vốn, quyền sở hữu và quyền điều hành vốn, công khai minh bạch và điều chỉnh cơ cấu vốn, chịu sự điều tiết của cơ chế quản lý tài chính, rủi ro vốn) các cơ chế chính sách chi phối đến việc thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng.

- Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp trên thế giới như ở: Đức, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thụy Điển, Ấn Độ, Romani trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

7.2. Về thực tiễn

Khảo sát, điều tra, phân tích, đánh giá thực trạng kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp xây dựng tại tỉnh Thái Bình, tính hiệu lực của các chính sách và vận hành của kiểm soát nội bộ. Kết quả chỉ ra những kết quả đạt được, đặc biệt là những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, từ đó Luận án đề xuất những giải pháp chủ yếu và thiết thực hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng tại tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

- Hoàn thiện các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ.
- Hoàn thiện quy chế quản lý Người đại diện (NDD) tạo cơ sở kiểm soát NDD.

- Hoàn thiện kiểm soát vốn tại doanh nghiệp xây dựng: Cơ chế giám sát, năng lực quản trị điều hành, cơ cấu vốn, minh bạch về tài chính, xây dựng phương án tài chính theo pháp lý chủ trương của lãnh đạo doanh nghiệp.

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2030: Theo các yếu tố của KSNB đã được lựa chọn.

8. Kết cấu của Luận án

Ngoài: Mở đầu và Kết luận; Danh mục tài liệu tham khảo; Luận án được kết cấu thành 4 chương nhằm thỏa mãn các mục tiêu nghiên cứu của đề tài gồm:

Chương 1: Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến Luận án;

Chương 2: Lý luận về kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây

dựng;

Chương 3: Thực trạng kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Chương 4: Giải pháp kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Các nghiên cứu công bố trong nước và nước ngoài

1.1.1. Các nghiên cứu công bố ở trong nước

- Nghiên cứu lịch sử hình thành phát triển của kiểm soát nội bộ
- Nghiên cứu tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ
- Nghiên cứu các yếu tố của kiểm soát nội bộ
- Về sách, giáo trình kiểm toán và kiểm soát nội bộ
- Về đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến kiểm soát nội bộ

1.1.2. Các nghiên cứu công bố ở nước ngoài

- Nghiên cứu lịch sử hình thành phát triển của kiểm soát nội bộ
- Nghiên cứu về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ
- Nghiên cứu các yếu tố của kiểm soát nội bộ
- Các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ.

1.2. Tổng hợp kết quả các công trình nghiên cứu, “khoảng trống” nghiên cứu của Luận án

1.2.1. Tổng hợp kết quả nghiên cứu có thể xem xét kế thừa

Thứ nhất: Khái niệm về KSNB và hệ thống KSNB đã được thống nhất, là kết quả nghiên cứu của nhiều công trình khoa học từ năm 1929 đến năm 2020.

Thứ hai: KSNB cũng đã được nghiên cứu trong phạm vi hẹp hơn, liên quan đến doanh nghiệp như: Môi quan hệ giữa KSNB với quản trị doanh nghiệp, rủi ro tài chính, chiến lược kinh doanh, vai trò định hướng thị trường của doanh nghiệp và hoạt động phát triển sản phẩm mới,...

Thứ ba: KSNB đã được nghiên cứu ở nhiều đơn vị thuộc các ngành kinh tế khác nhau như: Các Tổng công ty Nhà nước nói chung; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; các doanh nghiệp hoạt động trong ngành may mặc, du lịch, khách sạn, xây dựng, bất động sản. Tuy nhiên có thể xem xét nội dung KSNB ở các đơn vị độc lập trong các đơn vị này.

Thứ tư: Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam đã nghiên cứu và áp dụng phương pháp điều tra, khảo sát và phân tích dữ liệu thu được để đánh giá thực trạng về KSNB tại đơn vị nghiên cứu. Đây cũng là phương pháp đang được áp dụng rộng rãi đối với các nghiên cứu về KSNB và nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác.

1.2.2. “Khoảng trống” nghiên cứu

Thứ nhất: Chưa có công trình nào nghiên cứu mang tính logic biện chứng về lý luận KSNB trong các DNXD theo hướng xuyên suốt từ chức năng của kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp đến KSNB trong hoạt động DN, nội dung các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong DN, đặc điểm DNXD ảnh

hưởng đến KSNB, kinh nghiệm thực tiễn và bài học thực tiễn rút ra về KSNB cho DN XD.

Thứ hai: Tất cả các nghiên cứu về hệ thống KSNB nói trên đều mang tính chất là những nghiên cứu về thực tiễn ở các lĩnh vực và khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào về kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Đây là một tỉnh lớn thuộc đồng bằng Bắc Bộ. Những năm gần đây rất chú ý đến phát triển cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới, phát triển mạnh mẽ hoạt động đầu tư xây dựng nhà ở đô thị, nhà ở cụm dân cư, nhà làm việc là nhà ở các khu công nghiệp mới.

Thứ ba: Theo tìm hiểu của tác giả, chưa có công trình nghiên cứu nào tại Việt Nam đưa ra tiêu chí hay mô hình đánh giá KSNB. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu dùng phương pháp điều tra, khảo sát, phỏng vấn để đánh giá. Việc nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi, thu thập thông tin; xây dựng mô hình xử lý thông tin để đánh giá KSNB là chưa có.

Trong quá trình thực hiện, tác giả đã kế thừa, học tập những thành tựu cũng như rút kinh nghiệm từ hạn chế của các công trình nghiên cứu trước đó để hoàn thành luận án của mình.

1.3. Định hướng nghiên cứu của Luận án

Những vấn đề về cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn mà luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ được thể hiện qua các nội dung nghiên cứu sau:

a. Về cơ sở khoa học

- Những vấn đề lý luận về kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng.
- Các đặc điểm hoàn thiện kiểm soát nội bộ và những đặc điểm ảnh hưởng đến kiểm soát nội bộ trong DN XD.
- Sử dụng mô hình nào để đánh giá mức độ hoàn thiện của KSNB tại DN XD.

b. Về cơ sở thực tiễn

- Những nội dung thực tiễn của hệ thống KSNB tại các doanh nghiệp trong DN XD nói chung và DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình nói riêng.
- Thực trạng hoàn thiện KSNB tại DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ bối cảnh đặc thù về công tác kiểm soát nội bộ, tổ chức kiểm soát nội bộ, nội dung và phương pháp kiểm soát nội bộ?
- Những hạn chế trong KSNB trong các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình và nguyên nhân của những tồn tại đó?

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng hệ thống các quan điểm và đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Các quan điểm được xây dựng cùng với những hạn chế đã phân tích là định hướng để hoàn thiện hệ thống KSNB trong các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Các giải pháp đề

xuất là những giải pháp trực tiếp đối với các DN XD nói chung và các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình nói riêng, từ hoàn thiện về nhận thức đến tổ chức KSNB, nội dung KSNB và phương pháp KSNB.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

2.1. Tổng quan về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm về kiểm soát nội bộ

2.1.1.1. Theo quan điểm về kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của tổ chức, giúp tổ chức đạt được mục tiêu

2.1.1.2. Theo quan điểm về kiểm soát nội bộ là biện pháp ngăn chặn rủi ro

Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm của các nhà khoa học nêu trên, Tác giả luận án đưa ra quan điểm của mình về KSNB; Đó là: *Kiểm soát nội bộ là một quy trình được thực hiện thống nhất trong một tổ chức, từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đến toàn thể nhân viên thông qua một loạt các hoạt động, biện pháp, kế hoạch, quan điểm, nội quy, chính sách và nỗ lực của các thành viên đó nhằm mục tiêu kiểm soát mọi hoạt động trong tổ chức. Thông qua đó cùng thực hiện việc nhìn nhận, ngăn ngừa và xử lý những rủi ro có khi xảy ra để đảm bảo tổ chức hoạt động liên tục, thống nhất theo đúng định hướng chiến lược kinh doanh đã đề ra hướng tới sự phát triển bền vững.*

2.1.2. Mục tiêu của kiểm soát nội bộ

Mục tiêu của kiểm soát nội bộ: Một là: Đảm bảo đạt được các mục tiêu hoạt động. Hai là: Đảm bảo mục tiêu về thông tin mà chủ yếu là đảm bảo độ tin cậy của BCTC. Ba là: Đảm bảo sự tuân thủ.

2.1.3. Vai trò và trách nhiệm của các bộ phận trong doanh nghiệp đối với kiểm soát nội bộ

Vai trò và trách nhiệm của các bộ phận: Đối với Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp. Đối với Ban Giám đốc của doanh nghiệp. Đối với bộ phận Kiểm toán nội bộ.

2.1.4. Các khung về kiểm soát nội bộ

Thứ nhất: Về Khung kiểm soát nội bộ COSO

Thứ hai: Về Khung kiểm soát nội bộ COBIT

Thứ ba: Về Khung kiểm soát nội bộ COCO

Thứ tư: Về Báo cáo Turnbull về KSNB

2.2. Các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp

2.2.1. Môi trường kiểm soát

2.2.2. Thông tin và truyền thông

2.2.4. Đánh giá rủi ro

2.2.5. Hoạt động kiểm soát

2.3. Đặc điểm của doanh nghiệp xây dựng và ảnh hưởng của nó đến các yếu tố kiểm soát nội bộ

2.3.1. Đặc điểm của doanh nghiệp xây dựng

2.3.2. Đặc điểm của doanh nghiệp xây dựng đến các yếu tố của kiểm soát nội bộ

Đối với môi trường kiểm soát

Đối với thông tin và truyền thông

Đối với giám sát

Đối với đánh giá rủi ro

Đối với hoạt động kiểm soát

2.4. Kinh nghiệm về kiểm soát nội bộ trên thế giới và bài học kinh nghiệm rút ra cho doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

2.4.1. Kinh nghiệm kiểm soát nội bộ trên thế giới

Kinh nghiệm kiểm soát nội bộ của một số nước trên thế giới bao gồm: Đức, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thụy Điển, Ấn Độ, Romania.

2.4.2. Bài học kinh nghiệm về kiểm soát nội bộ rút ra cho doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Bài học kinh nghiệm rút ra dành cho doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình bao gồm: Bài học về môi trường kiểm soát, bài học về thông tin và truyền thông, bài học về giám sát, bài học về đánh giá rủi ro.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

3.1. Quá trình hình thành phát triển ngành xây dựng và đặc điểm hoạt động doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

3.1.1. *Quá trình hình thành phát triển ngành xây dựng*

3.1.2. *Kết quả hoạt động ngành xây dựng tỉnh Thái Bình*

3.1.3. *Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình*

- Đặc điểm về tổ chức bộ máy quản lý
- Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh
- Đặc điểm tổ chức sản xuất

3.2. Thực trạng các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình

3.2.1. *Thực trạng khảo sát mối quan hệ giữa chất lượng kiểm soát nội bộ với khả năng sinh lời*

Theo kết quả khảo sát 108 DNXD thì các đối tượng được hỏi đều cho rằng KSNB có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, KSNB có chất lượng thì ảnh hưởng tích cực đến khả năng sinh lời. Các phân tích được đưa ra tập trung vào các nội dung: Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, kiểm soát đối với thiết bị, máy thi công, chi phí nhân công; tiến độ thanh toán của chủ đầu tư, năng lực tài chính của chủ đầu tư; vốn, tài chính của DNXD.

Môi trường kiểm soát và khả năng sinh lời: Theo kết quả nghiên cứu, môi trường kiểm soát có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời. Các phân tích cho mối quan hệ bao gồm: Sự nhấn mạnh của nhà quản lý về KSNB ảnh hưởng đến các quy chế nội bộ được ban hành, sự giám sát đối với các hoạt động, kiến thức và kinh nghiệm, cơ cấu tổ chức hợp lý ảnh hưởng đến kiểm soát các chi phí, hạn chế sai phạm.

Hoạt động kiểm soát và khả năng sinh lời: Theo kết quả khảo sát, hoạt động kiểm soát ảnh hưởng đến khả năng sinh lời. Các đối tượng được khảo sát phân tích các nội dung để làm rõ mối quan hệ. Các nội dung được phân tích tập trung vào việc chỉ ra tác động các hoạt động kiểm soát đối với vật tư, tài sản trong việc kiểm soát chi phí, hạn chế sai phạm mất mát, hao hụt vật tư, tài sản.

Thông tin và truyền thông với khả năng sinh lời: Qua dữ liệu phỏng vấn, những người được hỏi đều cho rằng thông tin và truyền thông ảnh hưởng đến khả năng sinh lời. Họ đã chỉ ra những vấn đề làm cho thông tin và truyền thông ảnh hưởng đến khả năng sinh lời.

Đánh giá rủi ro với khả năng sinh lời: Theo kết quả trả lời phỏng vấn,

đánh giá rủi ro có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời. Các đối tượng được khảo sát đã phân tích mối quan hệ. Theo đối tượng được khảo sát, trong các DNXD trên địa bàn tỉnh Thái Bình đánh giá rủi ro có vai trò quan trọng. Cụ thể, đối với các hợp đồng trọn gói hoặc các hợp đồng ký theo đơn giá cố định thì việc không đánh giá rủi ro, không dự báo được về giá và dự trù về giá thì khả năng lỗ sẽ rất lớn. Nếu đánh giá rủi ro được quan tâm và coi trọng thì giá vật tư, giá nhân công được tính toán phù hợp, nhà quản lý có sự điều chỉnh giá dự thầu đảm bảo có lãi, hạn chế việc chưa thi công đã bị lỗ.

3.2.2. Thực trạng khảo sát các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Để nghiên cứu đặc điểm của từng yếu tố cấu thành KSNB trong các DNXD trên địa bàn tỉnh Thái Bình tác giả thực hiện phương pháp chủ yếu là phương pháp khảo sát qua “Phiếu khảo sát”. Ngoài ra, để phân tích rõ hơn một số đặc điểm của DNXD Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu. Từ những đặc điểm được nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế của từng yếu tố cấu thành. Đây cũng là cơ sở để hình thành các giải pháp hoàn thiện KSNB ở Chương 4.

3.2.2.1. Môi trường kiểm soát

a) Tính trung thực và giá trị đạo đức

Quy tắc ứng xử là nội dung được nhiều công ty quan tâm và xây dựng, những hành vi về đạo đức được chấp nhận và không được chấp nhận nhưng chưa được truyền đạt một cách rõ ràng và đầy đủ cho nhân viên trong công ty theo kết quả điều tra (Phụ lục 02) thì có 40/108 (37,03%) người được hỏi cho rằng nhà lãnh đạo cao cấp chưa thể hiện rõ ràng là tấm gương để nhân viên noi theo về các hành vi đạo đức.

b) Hội đồng quản trị

Nhiều công ty được khảo sát 84/108 (77,7%) có Hội đồng quản trị có kiến thức đầy đủ, kinh nghiệm ngành nghề và thời gian để làm việc một cách hiệu quả như CTCP xây dựng và phát triển nông thôn, công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tiền Hải, công ty cổ phần đầu tư phát triển Long Thái, công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long,... Tuy nhiên hiệu quả cao hay thấp thì không giống nhau.

c) Triết lý quản lý và phong cách hoạt động

Trong các công ty được điều tra, không có công ty nào mà nhà lãnh đạo không hiểu biết về KSNB và không xem nó là quan trọng, số công ty nhà lãnh đạo có hiểu biết sâu về KSNB và xem nó rất quan trọng là 38/108 (35,2%), số công ty nhà lãnh đạo có hiểu biết về KSNB và xem nó là quan trọng là 70/108 (64,8%).

d) Cam kết năng lực

Kết quả điều tra cho thấy 66/108 công ty xác định đầy đủ những kiến thức và kỹ năng cần thiết đối với nhân viên để thực hiện các công việc trong phạm vi công ty, 42/108 nhà quản lý không xác định đầy đủ những kiến thức và kỹ năng đối với nhân viên. Những kiến thức và kỹ năng được xác định trong chính sách tuyển dụng nhân sự, thông báo tuyển dụng cho từng vị trí mà công ty cần.

đ) Cơ cấu tổ chức

Các công ty cổ phần xây dựng được điều tra có cơ cấu tổ chức quản lý theo đúng quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần trong Luật Doanh nghiệp số 59/2022/QH14 theo mô hình gồm đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, BKS và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Điều lệ của các công ty đã thiết lập những quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận chức năng trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

e) Chính sách và thông lệ nhân sự

Đây là chính sách liên quan đến cán bộ công nhân viên và người lao động trong công ty. Một chính sách nhân sự phù hợp có vai trò rất quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh. Trong 108 công ty được khảo sát có 78/108 (72,2%) công ty chính sách nhân sự hiện tại tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển năng lực của nhân viên mà năng lực này có thể giúp cho doanh nghiệp đạt được mục tiêu. Tuy nhiên, 14/108 công ty được điều tra nhận thấy chính sách nhân sự hiện tại không thuận lợi. Môi trường và điều kiện làm việc của các công ty xây dựng là ở vùng xa, rừng núi, giao thông còn nhiều khó khăn, thông tin liên lạc còn hạn chế do đó việc thu hút lực lượng lao động, kỹ thuật có tay nghề là hết sức khó khăn.

3.2.2.2. Thông tin và truyền thông

Theo kết quả điều tra, 108/108 công ty có những thông tin cần thiết được thu thập từ nguồn bên ngoài doanh nghiệp; 90/108 (83,3%) công ty có các cấp quản lý thực hiện báo cáo kịp thời các thông tin hữu ích cho cấp trên; 18/108 (16,7%) công ty có các cấp quản lý không báo cáo kịp thời các thông tin hữu ích cho cấp trên; 44/108 (40,7%) công ty sự truyền tải thông tin giữa các bộ phận được thực hiện thông suốt, 24/108 (22,2%) công ty sự truyền tải thông tin giữa các bộ phận được thực hiện rất thông suốt, 40/108 (37,1 %) công ty thông tin truyền tải giữa các bộ phận được thực hiện không thông suốt. Trong hệ thống thông tin của doanh nghiệp, hệ thống thông tin kế toán có vai trò quan trọng đối với nhà quản lý khi đưa ra quyết định. Những thông tin kế toán được cung cấp bởi phòng kế toán của công ty.

3.2.2.3. Giám sát

Kết quả điều tra cho thấy 70/108 (64,8%) công ty giám sát hiệu quả và 22/108 (20,4%) giám sát rất có hiệu quả tiến độ thi công, kỹ thuật thi công và

chất lượng công trình. Khi có những bất thường trong thi công công trình và những thiệt hại về tài sản và con người thì 108/108 (100%) công ty thực hiện kiểm tra và đánh giá. Trong đó 72/108 (66,7%) công ty xác định đầy đủ các nội dung cần giám sát của các lĩnh vực hoạt động gồm: Lĩnh vực thi công, pháp chế và lĩnh vực đầu tư và 74/108 (68,5%) công ty không giám sát việc thực hiện các quy định về đạo đức của công ty.

3.2.2.4. Đánh giá rủi ro

Đánh giá rủi ro là một trong những yếu tố của KSNB theo quan điểm của COSO. Thực tế tìm hiểu KSNB theo quan điểm của COSO trong các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình cho thấy 108/108 (100%) công ty có nhận dạng những rủi ro ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu, mục tiêu hoạt động của công ty được xác định trước. Ngoài việc nhận dạng rủi ro các công ty còn xác định khả năng xảy ra cao hay thấp đối với các rủi ro, có 76/108 công ty (70,4%) xác định khả năng xảy ra rủi ro. Số lượng 50/108 công ty (46,3%) có đưa ra những biện pháp kịp thời đối phó để giảm thiểu rủi ro chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên 78/108 (72,2%) công ty đánh giá rủi ro không phải là công việc thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện dự án hay hợp đồng. 78/108 (72,2%) công ty không có nhân viên có trình độ chuyên sâu về đánh giá rủi ro trong công ty xây dựng; Có 72/108 (66,7%) công ty không có quy trình đánh giá rủi ro. Thực tế thể hiện trên báo cáo thường niên cho thấy việc trình bày các nội dung về đánh giá khả năng xảy ra rủi ro chưa thường xuyên.

3.2.2.5. Hoạt động kiểm soát

Theo quan điểm của COSO, các hoạt động kiểm soát phổ biến trong doanh nghiệp gồm soát xét của nhà quản lý, ủy quyền, phê chuẩn, phân chia trách nhiệm theo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, kiểm soát quá trình xử lý thông tin, kiểm soát vật chất đối với tài sản và phân tích rà soát. Biểu hiện của những hoạt động kiểm soát phổ biến trong các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình được điều tra được tác giả tổng hợp như sau: Việc soát xét giữa kết quả thực hiện với dự toán, kế hoạch hay mục tiêu đặt ra được thực hiện bởi nhà quản lý cấp cao nhất là 108/108 (100%), bởi trưởng bộ phận là 108/108 (100%), 86/108 (80%) công ty việc phân chia xét duyệt và ủy quyền cho cấp dưới được quy định trong quy chế nội bộ công ty. 108/108 (100%) Công ty có thiết lập bảng nhu cầu vật tư theo tiến độ thi công, khi thiết lập bảng nhu cầu vật tư có công ty sử dụng phần mềm Microsoft Project để hỗ trợ; khi phê duyệt giấy yêu cầu cấp vật tư, giấy đề nghị mua hàng thì người phê duyệt dựa trên bảng nhu cầu vật tư theo tiến độ là 108/108 (100%), dựa trên thời gian cung ứng vật tư là 82/108 (76%). 108/108 (100%) Công ty thực hiện kiểm tra việc ký duyệt mua vật tư theo Bảng nhu cầu mua vật tư theo tiến độ; 50/108 (46,3%) công ty không kiểm tra lựa chọn nhà cung cấp, công ty có kiểm soát hiệu quả đối với

việc lựa chọn nhà cung cấp máy móc thiết bị, 28/108 (26%) công ty kiểm soát rất hiệu quả. 108/108 (100%) công ty khi lựa chọn nhà cung cấp sử dụng những thông tin trên bảng báo giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau.

3.3. Đánh giá thực trạng các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

3.3.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất: Về môi trường kiểm soát

Tinh trung thực và giá trị đạo đức: Doanh nghiệp xây dựng có quy định về chuẩn mực hành vi và đạo đức, các chuẩn mực hành vi đạo đức dễ hiểu và thích hợp, phần lớn nhân viên công ty hiểu một cách đầy đủ và rõ ràng về những hành vi được chấp nhận và không được chấp nhận.

Triết lý quản lý và phong cách hoạt động: Các nhà lãnh đạo có hiểu biết về KSNB. DN XD chủ yếu đầu tư vào kiểm soát ngăn ngừa, phần lớn các nhà quản lý không tạo ra áp lực bất hợp lý để đạt mục tiêu kinh doanh.

Cam kết về năng lực và hội đồng quản trị: Phần lớn các DN XD qua điều tra đều có hội đồng quản trị có kiến thức đầy đủ, kinh nghiệm ngành nghề để làm việc một cách hiệu quả.

Chính sách nhân sự: Các DN XD được điều tra đã thiết lập những quy định về tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt, bổ nhiệm và sa thải nhân viên.

Cơ cấu tổ chức: Các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình có cơ cấu tổ chức quản lý theo đúng quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Thứ hai: Về thông tin và truyền thông

Phần lớn trong các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình, sự truyền tải thông tin giữa các bộ phận được thực hiện thông suốt, có những thông tin cần thiết được thu thập từ nguồn bên ngoài, về cơ bản các cấp quản lý thực hiện báo cáo kịp thời các thông tin hữu ích cho cấp trên.

Thứ ba: Về giám sát

Hoạt động giám sát của HĐQT được thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban giám đốc của DN XD, phần lớn các DN coi trọng và thực hiện nghiêm túc việc giám sát đối với các khâu áp dụng tiêu chuẩn ISO trong sản xuất xây dựng.

Thứ tư: Về đánh giá rủi ro

Các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình được điều tra đã thực hiện nhận dạng những rủi ro ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu.

Thứ năm: Về hoạt động kiểm soát

Các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình đã thiết kế được hoạt động kiểm soát cho nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau như ký duyệt mua vật

tư, lựa chọn nhà cung cấp, bảo quản vật tư, máy móc thiết bị, phê duyệt máy móc thiết bị, kiểm tra sổ giờ máy kê khai so với thực tế,... những hoạt động kiểm soát được quy định trong quy chế nội bộ như quy chế quản trị DN, quy chế quản lý vật tư thiết bị, quy chế quản lý tài chính, quy chế trả lương,...

3.3.2. Hạn chế

Thứ nhất: Về môi trường kiểm soát

Tính trung thực và giá trị đạo đức: Nhìn chung các DNXD trên địa bàn tỉnh Thái Bình chưa xây dựng được văn hóa, quy tắc ứng xử thật đầy đủ và chưa có đào tạo cụ thể về chuẩn mực hành vi đạo đức cho nhân viên; các hành vi đạo đức không được vi phạm cũng chưa được quy định đầy đủ cho tất cả các nhân viên trong DN.

Triết lý quản lý và phong cách hoạt động: Bản chất và tầm quan trọng của KSNB chưa được nhiều nhà quản lý nhấn mạnh và phổ biến cho cấp dưới và nhân viên để họ thấy rõ được tầm quan trọng của KSNB đối với sự phát triển của DN, chưa giúp họ nhận thấy được những khâu kiểm soát quan trọng trong bộ phận, phòng, trong các công việc của mình.

Chính sách nhân sự: Không phải tất cả các DNXD thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt, bổ nhiệm và sa thải.

Cơ cấu tổ chức: Ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bầu chọn nhưng theo kết quả nghiên cứu hoạt động của BKS trong thực tế chưa phát huy hết vai trò và chưa thực hiện hết chức năng nhiệm vụ của mình, hoạt động của BKS vẫn mang tính hình thức là chủ yếu.

Thứ hai: Về thông tin và truyền thông

Phần lớn các DNXD không khuyến khích các cá nhân cung cấp thông tin về sai phạm, nghi ngờ sai phạm; không công khai đầy đủ các kênh thông tin để nhân viên và các bên liên quan cung cấp thông tin trên và trao đổi về vấn đề đạo đức; các nhân viên không yên tâm khi cung cấp các thông tin đó.

Thứ ba: Về giám sát

Phần lớn các DNXD chưa thực hiện, chưa quan tâm và chưa coi trọng nội dung giám sát đối với vấn đề kiểm soát và rủi ro; giám sát việc đánh giá lại rủi ro và điều chỉnh kiểm soát có phù hợp với những thay đổi mục tiêu kinh doanh và môi trường bên ngoài của doanh nghiệp.

Thứ tư: Về đánh giá rủi ro

Trong các rủi ro được phân tích không có rủi ro gian lận, các khả năng gian lận ảnh hưởng đến việc đạt các mục tiêu như mất tài sản và tham nhũng không được đề cập.

Thứ năm: Về hoạt động kiểm soát

Không phải bất cứ DNXD nào cũng quy định đầy đủ các hoạt động kiểm

soát cho tất cả các hoạt động. Các hoạt động kiểm soát đối với chi phí giao khoán, vật tư, thiết bị còn một số hạn chế như chưa quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, bộ phận trong quản lý chi phí giao khoán, DN chưa có hướng dẫn cụ thể để phòng vật tư thiết bị tính toán các phương án mua hay thuê máy móc thiết bị.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Một là: Đặc thù hoạt động xây dựng có những đặc điểm khác biệt với ngành khác, do mang hoạt động chứa nhiều yếu tố rủi ro, mang tính bất định và tính cạnh tranh cao.

Hai là: Thị trường cung cấp lao động không ổn định, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Ba là: Năng lực tài chính của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình còn nhiều hạn chế.

3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một là: Trình độ quản lý của các nhà quản lý cao cấp của các DNXD trên địa bàn tỉnh Thái Bình còn nhiều hạn chế.

Hai là: Tâm lý ngại va chạm, sẵn sàng thỏa hiệp, dễ dàng thỏa mãn, không chịu đổi mới và thay đổi nề nếp làm việc.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

4.1. Mục tiêu, định hướng và các chỉ tiêu phát triển ngành xây dựng và doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.1.1. Mục tiêu phát triển ngành xây dựng và doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.1.2. Định hướng và chỉ tiêu phát triển ngành xây dựng và các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025

4.1.2.1. Định hướng phát triển

4.1.2.2. Chỉ tiêu, kế hoạch chủ yếu năm 2025 đến 2030

4.2. Yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.2.1. Yêu cầu hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Thứ nhất: Phải đáp ứng nhu cầu ngăn ngừa và giảm thiểu tới mức thấp nhất ảnh hưởng của các rủi ro đến việc hoàn thành các mục tiêu của doanh nghiệp xây dựng

Thứ hai: Phải đảm bảo đồng bộ trên cả hai phương diện là thiết lập và vận hành các chính sách, thủ tục kiểm soát đã xây dựng vào quá trình quản lý tại các doanh nghiệp xây dựng.

Thứ ba: Phải đảm bảo yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả

4.2.2. Nguyên tắc cơ bản hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Thứ nhất: Nguyên tắc phù hợp

Thứ hai: Nguyên tắc kế thừa

Thứ ba: Nguyên tắc khả thi và hiệu quả

4.3. Giải pháp hoàn thiện các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.3.1. Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát

4.3.1.1. Giải pháp chung cho các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

- Về phong cách của nhà quản lý
- Về chính sách nhân sự
- Về tính trung thực và các giá trị đạo đức
- Về cơ cấu tổ chức

4.3.1.2. Giải pháp cụ thể đối với doanh nghiệp xây dựng có quy mô lớn từ

2.000 lao động trở lên

Thứ nhất: Tiếp tục nâng cao của các quản lý về tầm quan trọng của KSNB cũng như tính cấp thiết trong việc triển khai xây dựng KSNB trong các DN.

Thứ hai: Việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức tại các DNXD nên tập trung theo hướng ưu tiên xây dựng cơ cấu tổ chức theo hướng phân quyền, phân cấp cụ thể; tránh chồng chéo và vi phạm tính độc lập giữa các chức năng, bộ phận trong tổ chức.

Thứ ba: Đối với chính sách nhân sự cần tập trung hoàn thiện theo hướng bổ sung hệ thống quy chế, chính sách về nhân sự.

Thứ tư: Công tác kế hoạch cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng đa dạng hóa các loại kế hoạch từ kế hoạch về đào tạo, kế hoạch thị trường, kế hoạch marketing và đặc biệt là kế hoạch ứng phó với rủi ro.

Thứ năm: Xây dựng văn hóa quản trị rủi ro trong DNXD

4.3.1.3. Giải pháp cụ thể đối với doanh nghiệp xây dựng có quy mô từ dưới 500 lao động

- Về đặc thù quản lý
- Về cơ cấu tổ chức

4.3.2. Giải pháp hoàn thiện thông tin và truyền thông

4.3.2.1. Về hoàn thiện công tác thông tin

Thứ nhất: Triển khai áp dụng kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính để nâng cao chất lượng của thông tin kế toán.

Thứ hai: Xây dựng hệ thống thông tin kế toán quản trị xây dựng.

Thứ ba: Thông tin do phòng kế toán (hoặc bộ phận kế toán) cung cấp cần có sự phân tích rõ hơn về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh.

Thứ tư: Công ty cần đưa ra địa chỉ liên hệ khi nhân viên, trưởng bộ phận, phòng, ban hay những người quản lý khác có câu hỏi hoặc mối quan tâm đến quy tắc ứng xử hay những quy định về đạo đức, tính trung thực và các vi phạm.

Thứ năm: Nhà quản lý cấp cao cần coi trọng việc thu thập và cung cấp những thông tin bất thường về thời tiết, khí hậu và thông tin bất thường về địa chất ở nơi đang thi công công trình.

4.3.2.2. Về hoàn thiện công tác truyền thông

- Truyền thông nội bộ
- Truyền thông ra bên ngoài

4.3.3. Giải pháp hoàn thiện giám sát

Thứ nhất: Trong các DNXD, lĩnh vực nội dung cần được giám sát gồm: Lĩnh vực tài chính kế toán, lĩnh vực thi công, lĩnh vực pháp chế, lĩnh vực đầu tư và giám sát tính tuân thủ.

Thứ hai: Xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của bộ phận thực hiện giám sát.

Thứ ba: Thực hiện đánh giá định kỳ khi có những báo cáo, phản ánh của nơi sử dụng, nơi xây dựng công trình về những bất thường liên quan đến chất lượng công trình, tiến độ thi công, tổ chức thi công.

Thứ tư: Bộ phận hay ban phụ trách giám sát phải bao gồm những thành viên có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, quản lý thi công, pháp luật và tài chính kế toán.

Thứ năm: Ngay cả khi kiểm soát nội bộ trước đây có hiệu quả nhưng theo thời gian nó có thể xấu đi hoặc mất đi tính hiệu quả đến thời điểm mà những điểm yếu hay thất bại đáng kể có thể bắt đầu lại xảy ra.

Thứ sáu: Chú trọng tới công tác giám sát cảnh báo rủi ro: Mọi hoạt động trong DN đều có thể phát sinh RR không thể lường trước.

Thứ bảy: Cần tiến hành giám sát định kỳ.

4.3.4. Giải pháp hoàn thiện đánh giá rủi ro

4.3.4.1. Giải pháp chung đối với các DN XD

Thứ nhất: Các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình cần phải quan tâm đến đánh giá rủi ro bằng việc doanh nghiệp bố trí nhân viên chuyên thực hiện công việc phân tích và đánh giá rủi ro để tư vấn cho nhà quản lý thiết kế những hoạt động kiểm soát phù hợp.

Thứ hai: Nhận diện, phân tích nhiều loại rủi ro khác nhau ảnh hưởng đến kinh doanh.

Thứ ba: Khuyến khích nhân viên trong từng bộ phận thực hiện báo cáo những rủi ro tiềm ẩn khiến cho bộ phận, đơn vị không đạt được mục tiêu và đưa ra giải pháp để hạn chế rủi ro.

Thứ tư: Kết quả của xác định khả năng xảy ra rủi ro và mức độ ảnh hưởng khi rủi ro xảy ra là cơ sở để nhà quản trị đưa ra quyết định đối với rủi ro.

Thứ năm: Tổ chức nên xem xét khả năng gian lận trong việc đánh giá những rủi ro ảnh hưởng đến việc đạt các mục tiêu.

Thứ sáu: Tổ chức xác định và đánh giá những thay đổi mà có thể ảnh hưởng đáng kể đến KSNB trong đó có đánh giá rủi ro.

4.3.4.2. Giải pháp cụ thể đối với doanh nghiệp xây dựng có số lượng từ trên 2.000 lao động

4.3.4.3. Giải pháp cụ thể đối với các DN XD có quy mô dưới 2.000 lao động đến 500 lao động, hoàn thiện đánh giá rủi ro cần lưu ý thêm

4.3.5. Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát

Một là, kiểm tra việc ký duyệt vật tư ở các thời điểm khác nhau và đối với các loại vật tư khác nhau. Hai là, bổ sung thêm quy định về quản lý chi phí

giao khoán. *Ba là*, xác định nhu cầu vật tư với sự hỗ trợ của phần mềm. *Bốn là*, xây dựng các kho bãi vật tư phù hợp. *Năm là*, đưa ra hướng dẫn cụ thể để tính toán các phương án mua hay thuê máy móc thiết bị. *Sáu là*, quy định đầy đủ hơn các hoạt động kiểm soát. *Bảy là*, góp ý sửa đổi quy chế nội bộ cần được thực hiện kịp thời.

4.4. Kiến nghị

4.4.1. Kiến nghị với Chính phủ

- Thứ nhất: Đối với các chính sách hỗ trợ phát triển thương hiệu ngành xây dựng
- Thứ hai: Đối với các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng, sản phẩm ngành xây dựng
- Thứ ba: Xây dựng hệ thống cơ chế giám sát, hỗ trợ về KSNB trong các DN XD

4.4.2. Kiến nghị đối với các cơ quan quản lý Bộ, ngành có liên quan

4.4.3. Kiến nghị với UBND tỉnh Thái Bình

- Thứ nhất: Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng công tác quản lý tại các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình
- Thứ hai: Hỗ trợ các DN XD trong việc triển khai các chính sách đối với người lao động
- Thứ ba: Tăng cường hiệu quả giám sát của các Sở, Ban, Ngành có liên quan nhằm kiểm soát các hoạt động của các DN XD trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.4.4. Kiến nghị với các Hiệp hội và tổ chức khác

4.4.4.1. Đối với Hiệp hội xây dựng

- Thứ nhất, tăng cường hỗ trợ và đào tạo
- Thứ hai, đề xuất khung quy định thống nhất
- Thứ ba, chính sách khuyến khích, thúc đẩy đổi mới công nghệ
- Thứ tư, Hiệp hội khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện kiểm toán định kỳ và đánh giá hệ thống KSNB
- Thứ năm, tăng cường tổ chức hội thảo và diễn đàn về KSNB
- Thứ sáu, thúc đẩy hợp tác quốc tế

4.4.4.2. Đối với Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA)

Đề nghị VAA cập nhật và điều chỉnh các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán quốc gia theo các tiêu chuẩn quốc tế (IFRS và ISA) để đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với thực tiễn toàn cầu; Quan tâm và chú trọng các đề xuất sửa đổi và bổ sung các chính sách pháp lý liên quan đến KSNB và KTNB nói chung với các tập đoàn kinh tế, nhằm cải thiện tính hiệu quả và khả thi của các quy định hiện hành; Hỗ trợ thành lập hội thành viên là Hội kiểm toán viên nội bộ, kiểm toán viên nội bộ.

4.4.5. Kiến nghị đối với các cơ sở giáo dục đào tạo

Thứ nhất, phát triển chương trình đào tạo chuyên sâu

Thứ hai, tăng cường đào tạo theo định hướng thực hành đối với nhân lực ngành xây dựng

Thứ ba, đưa thêm nội dung về công nghệ số trong nội dung đào tạo

Thứ tư, khuyến khích nghiên cứu khoa học về KSNB và quản trị rủi ro

4.4.6. Kiến nghị đối với các Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán thực hiện đào tạo và hướng dẫn nhân viên kiểm toán đánh giá KSNB doanh nghiệp bao gồm việc tìm hiểu về KSNB, đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của KSNB để chứng thực đúng báo cáo đánh giá KSNB của công ty được kiểm toán.

KẾT LUẬN

Với mục tiêu đề ra, Luận án đã đạt được một số kết quả sau:

Thứ nhất: Sơu tầm, tổng hợp, phân tích các nghiên cứu công bố ở nước ngoài, trong nước; Tổng hợp các kết quả nghiên cứu mới ra của nội dung KSNB có thể xem xét kế thừa; Tìm ra những nội dung KSNB chưa được nghiên cứu, đó là “khoảng trống” để Luận án tiếp tục nghiên cứu. Từ đó hình thành các định hướng nghiên cứu của Luận án.

Thứ hai: Hệ thống hóa và làm rõ hơn lý luận chung về KSNB trong các doanh nghiệp như: Quan điểm về KSNB; Mục tiêu, vai trò của KSNB; Các khái niệm về KSNB; Các khung và mô hình về KSNB; Các yếu tố cấu thành KSNB theo khuôn mẫu báo cáo COSO 2013; Việc lựa chọn khung KSNB của Luận án.

Thứ ba: Luận án đã đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của đặc điểm doanh nghiệp xây dựng đến KSNB, nội dung về KSNB của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học vận dụng cho các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Thứ tư: Trên cơ sở khái quát về ngành xây dựng và doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Luận án đã mô tả khá chi tiết đặc điểm, bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh và thực trạng KSNB trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Thứ năm: Luận án đánh giá thực trạng, làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về KSNB trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình để từ đó làm căn cứ cho các giải pháp hoàn thiện ở Chương 4 của Luận án.

Thứ sáu: Luận án làm rõ mục tiêu, định hướng, các chỉ tiêu phát triển ngành xây dựng tỉnh Thái Bình, các yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện KSNB trong doanh nghiệp xây dựng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện theo các yếu tố cấu thành KSNB và điều kiện để thực hiện có hiệu quả các giải pháp hoàn thiện KSNB trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Như vậy, về cơ bản Luận án đã hoàn thành các mục tiêu đề ra với mục tiêu chung nhất hướng đến là hoàn thiện KSNB trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, điều kiện nghiên cứu còn hạn chế về mặt thời gian, chi phí và hiểu biết của Tác giả về ngành xây dựng và doanh nghiệp xây dựng. Do vậy, kết quả nghiên cứu có phần còn thiếu toàn diện và cần được bổ sung ở các nghiên cứu tiếp theo. Rất mong nhận được sự chia sẻ, đóng góp ý kiến của các thầy giáo, cô giáo, các nhà khoa học, nhà quản trị các doanh nghiệp xây dựng để Luận án hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Phạm Vũ Hoàng (2020), Đào tạo tiến sỹ phải gắn kết với nghiên cứu khoa học - Kinh nghiệm từ Đại học Cranfield Vương quốc Anh - Kỷ yếu khoa học -Viện đào tạo sau đại học -Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội - Nhà xuất bản thanh niên tháng 6/2020.
2. Phạm Vũ Hoàng (2021), Kinh nghiệm quốc tế xác định mục tiêu đào tạo trình độ thạc sỹ yêu cầu đối với luận văn thạc sỹ và gợi ý áp dụng vào trường đại học Việt Nam - Kỷ yếu khoa học - Viện đào tạo sau đại học -Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội - Nhà xuất bản thanh niên tháng 6/2021.
3. Phạm Vũ Hoàng (2021), Suy ngẫm về nâng cao chất lượng luận văn thạc sỹ - Kỷ yếu khoa học -Viện đào tạo sau đại học - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tháng 9/2021.
4. Phạm Vũ Hoàng (2022), Giải pháp công nghệ xanh cho các nhà máy tại các công ty xây dựng Việt Nam (Driving Factors for Green Innovation in Vietnamese Construction Enterprises) - Kỷ yếu hội thảo quốc tế tại Đại học Kinh tế quốc dân tháng 11/2022.
5. Phạm Vũ Hoàng (2023), Sự khác biệt về lợi thế cạnh tranh thông qua năng suất: Ứng dụng sáng tạo trong kinh tế và kiến thức xã hội học (The Differences in Competitive Advantages via Productivity: Creative Application in Economics and Sociological Knowledge) - Tạp chí quốc tế về nghiên cứu và nghiên cứu đa ngành nâng cao 2023.
6. Phạm Vũ Hoàng (2023), Những yếu tố ảnh hưởng đến sản phẩm nông nghiệp xanh - hành vi tiêu dùng của người dân Hà Nội (Factors Affecting Green Agricultural Product - Consumption Behavior of the Residents in Ha Noi) - Hội thảo quốc tế lần thứ 17 giữa Đại học Kinh tế quốc dân và Đại học Khon Khen - Nhà xuất bản Tài chính tháng 6/2023.
7. Phạm Vũ Hoàng (2025), Tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp xây dựng Tạp chí Khoa học Đời sống và Xã hội Pakistan (Tapakistan Journal of life and social sciences) ngày 23/1/2025.